

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Các Hội thẩm nhân dân:

- ## 2. Bà Trần Thị Tuyết

gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Quận 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 83/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường NK, Phường H (nay là phường V), Quận Q,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994
- Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 474/2021/UQ-TTT ngày 27 tháng 4 năm 2021); Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Số 266-268 đường NK, Phường H (nay là phường V), Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thục Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 454 đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số 64/11 đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2021 trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/04/2008 bà Lê Thị Thục Đ (Sau đây gọi tắt là bị đơn) có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/4/2008 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 320.251.045 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 310.956.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng), ngày 21/08/2012 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng). Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 74.834.295 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 13/02/2023, bị đơn còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 74.834.295 đồng

Lãi quá hạn: 308.031.563 đồng

Tổng cộng: 382.865.858 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 74.834.295 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng ($2.15\% \times 150\%$) từ ngày nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Mặc dù nguyên đơn đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời nguyên đơn cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho nguyên đơn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Lê Thị Thục Đ: Buộc bị đơn phải trả ngay một lần cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/02/2023 là 382.865.858 đồng, trong đó nợ gốc là 74.834.295 đồng, nợ lãi quá hạn là 308.031.563

đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 14/02/2023, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bị đơn vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Về phía bị đơn bà Lê Thị Thục Đ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng bị đơn đã ký, thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/04/2008 bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận

5, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn bà Lê Thị Thục Đ là Số 454 đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/04/2008 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng thể hiện bị đơn cư trú tại địa chỉ Số 454 đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản xác minh tình trạng cư trú của đương sự số 678/TAQ5 ngày 22/11/2021 thì bà Lê Thị Thục Đ, sinh năm 1976 không có đăng ký thường trú, không đăng ký tạm trú và không thực tế cư trú tại Số 454 đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 1565/QLXNC-P5 ngày 24/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Công văn số 126/TAQ5 ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 5, bị đơn bà Lê Thị Thục Đ, nữ, sinh ngày 04/04/1976, thường trú tại 64/11 L, Phường M, Quận N được cấp hộ chiếu số B7760666 ngày 21/03/2013. Đương sự đã xuất nhập cảnh 29 lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 23/11/2019, hiện chưa có thông tin xuất cảnh.

Theo kết quả trả lời của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản xác minh tình trạng cư trú của đương sự số 213/TAQ5 ngày 20/7/2022 thì bà Lê Thị Thục Đ, sinh năm 1976 có đăng ký thường trú, không thực tế cư trú tại số 64/11 L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và không sinh sống tại địa phương.

Căn cứ vào mục 10 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Đối với nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Đối với bị đơn bà Lê Thị Thục Đ là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/02/2023 theo Hợp đồng đã ký với số tiền là 382.865.858 đồng, trong đó nợ gốc là 74.834.295 đồng, nợ lãi quá hạn là 308.031.563 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 14/02/2023, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/04/2008, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do bị đơn yêu cầu và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phê duyệt, tóm tắt sao kê thẻ tín dụng và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bị đơn có đề nghị cấp thẻ tín dụng, đã được nguyên đơn chấp thuận phát hành và cho bị đơn sử dụng thẻ với hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 320.251.045 đồng và đã thanh toán được số tiền 310.956.000 đồng. Tính đến ngày 13/02/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 382.865.858 đồng, trong đó nợ gốc là 74.834.295 đồng, nợ lãi quá hạn là 308.031.563 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/4/2008 bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn

cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 13/02/2023 là 382.865.858 đồng, trong đó nợ gốc là 74.834.295 đồng, nợ lãi quá hạn là 308.031.563 đồng là phù hợp với các điều khoản trong theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/04/2008, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/04/2008, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 19.143.293 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền và vắng mặt bị đơn là bà Lê Thị Thục Đ.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2.1. Buộc bà Lê Thị Thục Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 13/02/2023 là 382.865.858 (Ba trăm tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 74.834.295 (Bảy mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi lăm) đồng, nợ lãi quá hạn là 308.031.563 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2. Kể từ ngày 14/02/2023, bà Lê Thị Thục Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First ngày 11/04/2008, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thục Đ phải chịu 19.143.293 (Mười chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm chín mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thái Hòa